ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
HỘI ĐỒNG TS SĐH ĐỢT 1 NĂM 2019

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh

Khối Thạc sĩ

STT	Số Báo Danh	Kết Quả Thi Các Môn			Tổng Điểm 2 Môn TH&PV Không làm tròn	Tổng 2 Môn (làm tròn)	Xếp Loại Tốt Nghiệp Đại Học	Kết Quả Trúng Tuyển (TT)
		Tổng hợp	Phỏng vấn	Anh văn				
Ngành :Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh								
Đối tượng : Xét tuyển								
1	QSQ.076	CTS	8.50	Xét Tuyển	8.50	8.50	Giỏi	TT
2	QSQ.024	CTS	8.43	Xét Tuyển	8.43	8.50		TT
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.035	8.30	9.25	Xét Tuyển	17.55	17.50	Khá	TT
2	QSQ.127	8.20	8.90	Xét Tuyển	17.10	17.00	Giỏi	TT
3	QSQ.004	8.50	7.75	Xét Tuyển	16.25	16.50	Khá	TT
4	QSQ.052	7.35	8.55	Xét Tuyển	15.90	16.00	Trung bình Khá	TT
5	QSQ.115	7.30	8.60	Xét Tuyển	15.90	16.00	Giỏi	TT
6	QSQ.059	7.10	8.75	Xét Tuyển	15.85	16.00	Khá	TT
7	QSQ.041	7.30	8.25	84.00	15.55	15.50	Trung bình Khá	TT
8	QSQ.009	7.75	7.75	84.50	15.50	15.50	Khá	TT
9	QSQ.048	6.20	9.25	Xét Tuyển	15.45	15.50	Khá	TT
10	QSQ.079	7.40	8.00	Xét Tuyển	15.40	15.50	Trung Bình	TT
11	QSQ.104	6.75	8.30	82.00	15.05	15.00	Khá	TT
12	QSQ.078	6.70	8.30	Xét Tuyển	15.00	15.00	Trung bình Khá	TT
13	QSQ.107	7.45	7.50	63.50	14.95	15.00	Khá	TT
14	QSQ.069	6.10	8.80	Xét Tuyển	14.90	15.00	Trung bình	TT
15	QSQ.029	6.50	8.20	Xét Tuyển	14.70	14.50	Khá	TT
16	QSQ.086	6.50	8.20	78.50	14.70	14.50	Giỏi	TT
17	QSQ.072	5.65	8.40	67.50	14.05	14.00	Khá	TT
18	QSQ.075	5.35	8.50	Xét Tuyển	13.85	14.00	Khá	TT
19	QSQ.122	6.70	7.00	67.50	13.70	13.50	Khá	TT
20	QSQ.050	5.50	7.95	73.50	13.45	13.50	Trung bình	TT
21	QSQ.016	5.65	7.25	Xét Tuyển	12.90	13.00		TT
22	QSQ.109	4.15	7.30	80.00	11.45	11.50	Giỏi	Không TT
Ngành :Thạc sĩ Quản lý công								

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh

STT	Số Báo Danh	Kết Quả Thi Các Môn			Tổng Điểm 2 Môn TH&PV Không làm tròn	Tổng 2 Môn (làm tròn)	Xếp Loại Tốt Nghiệp Đại Học	Kết Quả Trúng Tuyển (TT)
		Tổng hợp	Phỏng vấn	Anh văn				
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.117	9.10	7.80	Xét Tuyển	16.90	17.00	TB-Khá	TT
2	QSQ.045	8.10	8.65	Xét Tuyển	16.75	17.00	Trung bình Khá	TT
3	QSQ.057	8.50	8.00	72.50	16.50	16.50		TT
4	QSQ.011	7.50	8.88	66.00	16.38	16.50	TB-Khá	TT
5	QSQ.051	8.05	8.25	75.00	16.30	16.50	Trung bình Khá	TT
6	QSQ.005	7.40	8.75	63.50	16.15	16.00	Khá	TT
7	QSQ.064	7.20	8.90	62.00	16.10	16.00	Trung bính Khá	TT
8	QSQ.091	7.65	8.25	Xét Tuyển	15.90	16.00	Khá	TT
9	QSQ.118	7.60	8.00	60.00	15.60	15.50	TB	TT
10	QSQ.033	8.20	7.25	Xét Tuyển	15.45	15.50	Giỏi	TT
11	QSQ.030	8.70	6.40	69.50	15.10	15.00	Khá	TT
12	QSQ.036	7.55	7.50	Xét Tuyển	15.05	15.00	Trung bình Khá	TT
13	QSQ.058	6.50	8.50	67.50	15.00	15.00	TB	TT
14	QSQ.032	7.45	7.35	Xét Tuyển	14.80	15.00	Trung bình Khá	TT
15	QSQ.044	6.70	8.00	55.50	14.70	14.50	Trung bình	TT
16	QSQ.013	6.95	7.63	Xét Tuyển	14.58	14.50	Trung bình Khá	TT
17	QSQ.015	8.40	6.10	66.50	14.50	14.50	Khá	TT
18	QSQ.020	8.10	6.10	76.00	14.20	14.00	Khá	TT
19	QSQ.114	7.70	6.20	73.00	13.90	14.00		TT
20	QSQ.128	7.85	6.05	64.50	13.90	14.00	Khá	TT
21	QSQ.125	7.50	6.30	64.50	13.80	14.00	Khá	TT
22	QSQ.053	5.75	7.90	55.50	13.65	13.50	TB	TT
23	QSQ.061	6.10	7.25	65.50	13.35	13.50	TB-Khá	TT
24	QSQ.092	5.75	7.55	Xét Tuyển	13.30	13.50	Trung bình	TT
25	QSQ.049	5.55	7.50	64.00	13.05	13.00	Trung bình	TT
26	QSQ.017	6.70	5.40	57.50	12.10	12.00	Trung bình	TT
27	QSQ.101	6.60	5.50	56.50	12.10	12.00	Trung bình	TT
28	QSQ.022	7.40	9.15	43.00	16.55	16.50	Trung Bình Khá	Không TT
29	QSQ.021	6.40	9.03	39.50	15.43	15.50	TB	Không TT
30	QSQ.008	6.00	7.65	46.50	13.65	13.50	Trung bình Khá	Không TT
31	QSQ.093	5.05	5.50	39.50	10.55	10.50	Trung bình	Không TT

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh

STT	Số Báo Danh	Kết Quả Thi Các Môn			Tổng Điểm 2 Môn TH&PV Không làm tròn	Tổng 2 Môn (làm tròn)	Xếp Loại Tốt Nghiệp Đại Học	Kết Quả Trúng Tuyển (TT)
		Tổng hợp	Phỏng vấn	Anh văn				
Ngành :Thạc sĩ Quản lý công - Bến Tre								
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.110	7.50	8.65	70.50	16.15	16.00	Trung bình Khá	TT
2	QSQ.046	7.20	8.10	75.00	15.30	15.50	Khá	TT
3	QSQ.031	7.50	7.70	72.00	15.20	15.00	Khá	TT
4	QSQ.026	6.60	7.85	66.00	14.45	14.50		TT
5	QSQ.025	6.80	7.40	85.00	14.20	14.00	Giỏi	TT
6	QSQ.098	5.95	8.25	64.50	14.20	14.00	Khá	TT
7	QSQ.123	6.40	7.65	64.50	14.05	14.00	Khá	TT
8	QSQ.054	6.20	7.60	46.00	13.80	14.00	Trung bình Khá	Không TT
9	QSQ.106	4.95	7.25	53.00	12.20	12.00	Trung bình	Không TT
10	QSQ.080	4.00	7.50	76.00	11.50	11.50	Trung bình Khá	Không TT
Ngành :Thạc sĩ Quản lý Công - HVCB								
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.077	8.80	9.00	86.00	17.80	18.00	Khá	TT
2	QSQ.047	8.10	8.00	62.00	16.10	16.00	Khá	TT
3	QSQ.108	7.00	9.05	Xét Tuyển	16.05	16.00	Trung bình	TT
4	QSQ.120	7.90	8.15	54.50	16.05	16.00	Trung bình Khá	TT
5	QSQ.014	8.00	7.90	59.50	15.90	16.00	Trung bình Khá	TT
6	QSQ.028	7.80	8.00	50.50	15.80	16.00	Trung bình Khá	TT
7	QSQ.056	7.20	8.60	78.00	15.80	16.00	Khá	TT
8	QSQ.038	7.20	8.30	61.00	15.50	15.50	Trung bình -Khá	TT
9	QSQ.124	6.70	8.65	54.50	15.35	15.50	Trung bình	TT
10	QSQ.087	7.20	8.10	61.00	15.30	15.50	Trung bình Khá	TT
11	QSQ.103	6.65	8.60	53.00	15.25	15.50	Khá	TT
12	QSQ.040	6.60	8.20	62.00	14.80	15.00	Trung bình Khá	TT
13	QSQ.010	6.10	8.60	62.50	14.70	14.50	Trung bình	TT
14	QSQ.090	6.70	7.70	53.00	14.40	14.50	Trung bình	TT
15	QSQ.102	6.10	8.25	52.00	14.35	14.50	Trung bình-khá	TT
16	QSQ.060	6.20	8.10	62.50	14.30	14.50	Trung bình Khá	TT
17	QSQ.019	6.00	8.20	55.00	14.20	14.00	Khá	TT

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh

STT	Số Báo Danh	Kết Quả Thi Các Môn			Tổng Điểm 2 Môn TH&PV Không làm tròn	Tổng 2 Môn (làm tròn)	Xếp Loại Tốt Nghiệp Đại Học	Kết Quả Trúng Tuyển (TT)
		Tổng hợp	Phỏng vấn	Anh văn				
18	QSQ.113	6.10	8.00	50.00	14.10	14.00	TB-Khá	TT
19	QSQ.100	6.00	7.65	64.50	13.65	13.50	Trung bình	TT
20	QSQ.088	5.05	7.85	Xét Tuyển	12.90	13.00	TB-Khá	TT
21	QSQ.068	7.05	8.50	48.00	15.55	15.50	Khá	Không TT
22	QSQ.095	6.35	9.10	39.50	15.45	15.50	Trung bình Khá	Không TT
23	QSQ.105	6.80	7.85	34.50	14.65	14.50	Trung bình Khá	Không TT
24	QSQ.007	6.60	7.70	45.50	14.30	14.50	Trung bình	Không TT
25	QSQ.034	4.70	7.80	48.00	12.50	12.50	Trung bình Khá	Không TT
26	QSQ.027	4.70	7.50	61.50	12.20	12.00	Trung bình	Không TT
27	QSQ.067	4.70	7.30	53.00	12.00	12.00	Trung bình	Không TT
28	QSQ.070	4.70	6.55	54.00	11.25	11.50	TB	Không TT
Ngành :Thạc sĩ Công nghệ Sinh học								
Đối tượng : Xét tuyển								
1	QSQ.006	CTS	9.60	Xét Tuyển	9.60	9.50	Khá	TT
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.083	7.50	9.25	76.00	16.75	17.00	Khá	TT
2	QSQ.066	7.00	8.50	Xét Tuyển	15.50	15.50	Trung bình Khá	TT
3	QSQ.055	6.00	9.00	Xét Tuyển	15.00	15.00	Khá	TT
Ngành :Thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin								
Đối tượng : Xét tuyển								
1	QSQ.097	CTS	8.60	Xét Tuyển	8.60	8.50	Giỏi - IU	TT
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.065	8.75	8.00	Xét Tuyển	16.75	17.00	Khá	TT
2	QSQ.003	8.10	8.10	Xét Tuyển	16.20	16.00	Khá	TT
3	QSQ.074	6.55	7.90	Xét Tuyển	14.45	14.50	Trung bình Khá	TT
4	QSQ.037	5.70	7.45	68.00	13.15	13.00	Trung bình khá	TT
5	QSQ.043	5.05	7.50	73.50	12.55	12.50	Trung bình	TT
Ngành :Thạc sĩ Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp								

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh

STT	Số Báo Danh	Kết Quả Thi Các Môn			Tổng Điểm 2 Môn TH&PV Không làm tròn	Tổng 2 Môn (làm tròn)	Xếp Loại Tốt Nghiệp Đại Học	Kết Quả Trúng Tuyển (TT)
		Tổng hợp	Phỏng vấn	Anh văn				
Đối tượng : Xét tuyển								
1	QSQ.111	CTS	8.33	Xét Tuyển	8.33	8.50	Giỏi - IU	TT
2	QSQ.023	CTS	7.43	73.50	7.43	7.50	Giỏi	TT
Đối tượng : Dự Thi								
1	QSQ.081	8.50	8.50	Xét Tuyển	17.00	17.00	Khá	TT
2	QSQ.084	6.75	9.25	84.50	16.00	16.00	Khá	TT
3	QSQ.096	7.50	7.75	Xét Tuyển	15.25	15.50	Khá	TT

Ghi chú:

Môn Anh văn sử dụng thang điểm 100

Môn tổng hợp và phỏng vấn sử dụng thang điểm 10

Thời gian nhận đơn phúc tra từ: 21/06/2019 đến 05/07/2019

Lệ phí nhận phúc tra: 30.000VNĐ/môn

Tp.HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2019

TM.Hội đồng tuyển sinh
Chủ tịch

Đã ký

Hiệu trưởng
Trần Tiến Khoa